

ĐỀ MINH HỌA SỐ 10
KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
(Đề thi có 08 trang)
Môn thi: TIẾNG ANH
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Phần 1	
1. D	2. B
3. A	4. A
5. D	6. B
Phần 2	
7. B	8. D
9. B	10. C
11. D	12. D
Phần 3	
13. B	14. D
15. D	16. A
17. D	
Phần 4	
18. C	19. B
20. A	21. C
22. D	

Phần 5	
23. C	24. B
25. C	26. A
27. A	28. A
29. D	30. D
Phần 6	
31. D	32. B
33. C	34. C
35. B	36. A
37. A	38. C
39. A	40. A

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

DỊCH

THAM GIA VÀO CHUYỆN TÌNH CẢM VĨ TRỤ HẤP DẪN! Hãy đắm mình vào câu chuyện bí ẩn đầy kịch tính trong không gian của "Among Us", nơi mà sự lừa dối và tinh thần đồng đội đối đầu nhau. Nhà phát triển chính Marcus làm cho sự hồi hộp trở nên sống động thông qua các cơ chế trò chơi hấp dẫn và hình ảnh chân thực, giữ chân người chơi bị cuốn hút khi họ thực hiện các nhiệm vụ trong không gian. Mỗi bản đồ, được thiết kế với các viễn cảnh phức tạp và những thử thách thú vị, cuốn hút người chơi vào thử thách tìm ra kẻ giả mạo.

Với các tùy chọn tùy chỉnh nhân vật sống động, các thành viên trong đội có thể có những diện mạo độc đáo, điều này càng làm cho việc đoán xem ai đang che giấu bí mật trở nên thú vị hơn. Hãy lập chiến lược của bạn bằng cách hình thành liên minh hoặc lập kế hoạch lừa dối, vì trò chơi này đòi hỏi sự chú ý đến từng chi tiết và cảnh giác liên tục. Nếu bạn thích tham gia trò chơi xã hội này, hãy dành trước thời gian của bạn để trải nghiệm một hành trình ly kỳ cùng bạn bè!

ENGAGING IN THE THRILLING SPACE MYSTERY!

Immerse yourself in the thrilling Space Mystery of "Among Us," where (1) _____ meets teamwork. Lead developer Marcus (2) _____ suspense to life with engaging gameplay mechanics and immersive visuals, keeping players captivated as they navigate space missions. Each map, (3) _____ with intricate scenarios and exciting challenges, draws players into the challenge of uncovering impostors.

With (4) _____, team members can adopt unique appearances which makes it even more intriguing to guess who's hiding secrets. Set your strategy by forming alliances or plotting your deceptions, because this game demands attention to detail and constant vigilance. If you fancy (5) _____ this social game, reserve your time (6) _____ advance to experience a thrilling journey with your friends!

(Adapted from SciTechDaily)

Question 1 [696504]: A. deceptive B. deceive C. deceptively D. deception

Kiến thức về từ loại:

*** Xét các đáp án:**

A. deceptive /dɪ'septɪv/ (adj): dối trá, lừa bịp; dễ gây hiểu lầm

B. deceive /dɪ'si:v/ (v): lừa dối; đánh lừa ai đó để họ tin vào điều không đúng

C. deceptively /dɪ'septɪvli/ (adv): (một cách) dối trá, lừa dối

D. deception /dɪ'sepʃn/ (n): sự dối trá, sự lừa dối

- Ta có: **Sau trạng từ quan hệ "Where" là một chủ ngữ. Cần một danh từ (Noun) làm chủ ngữ của câu ⇒ đáp án D hợp lý.**

Tạm dịch: Immerse yourself in the thrilling Space Mystery of "Among Us", where (1) _____ meets teamwork. (Hãy đắm mình vào câu chuyện bí ẩn đầy kịch tính trong không gian của "Among Us", nơi mà sự lừa dối và tinh thần đồng đội đối đầu nhau.)

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 2 [696505]: A. puts B. brings C. keeps D. stays

Kiến thức về cụm từ cố định

* Ta có cụm từ cố định: **bring something to life: làm cho một cái gì đó trở nên sống động, sinh động hoặc thú vị hơn**

Tạm dịch: Lead developer Marcus (2) _____ suspense to life with engaging gameplay mechanics and immersive visuals, keeping players captivated as they navigate space missions. (Nhà phát triển chính Marcus làm cho sự hồi hộp trở nên sống động thông qua các cơ chế trò chơi hấp dẫn và hình ảnh chân thực, giữ chân người chơi bị cuốn hút khi họ thực hiện các nhiệm vụ trong không gian.)

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 3 [696506]: A. designed B. designing C. which designs D. design

Kiến thức về rút gọn mệnh đề quan hệ

* Ta có: Trong một câu không thể có 2 động từ cùng chia theo thì của câu ⇒ chỗ trống cần một động từ phải ở trong mệnh đề quan hệ hoặc chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ ⇒ loại đáp án D.

Tạm dịch: Each map, (3) _____ with intricate scenarios and exciting challenges, draws players into the challenge of uncovering impostors. (*Mỗi bản đồ, được thiết kế với các viễn cảnh phức tạp và những thử thách thú vị, cuốn hút người chơi vào thử thách tìm ra kẻ giả mạo.*)

⇒ Căn cứ vào dịch nghĩa, động từ “design” cần chia ở dạng bị động ⇒ loại đáp án B và C.

* Ta có: **Khi rút gọn mệnh đề quan hệ, nếu động từ trong mệnh đề quan hệ đó ở thể bị động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và trợ động từ, sau đó đưa động từ trong mệnh đề quan hệ về dạng Vp2.**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 4 [696507]: A. vivid character customization options B. character vivid customization options
C. character customization vivid options D. customization vivid character

Kiến thức về trật tự từ

* Ta có cụm danh từ: **character customization: tùy chỉnh nhân vật**

⇒ Loại đáp án D (sai thứ tự), đáp án B (không được chèn “vivid” vào giữa “character customization”).

⇒ Đáp án A đúng trật tự của từ (adj + noun phrase ⇒ “vivid” phải đứng trước “character customization options”).

Tạm dịch: With (4) _____, team members can adopt unique appearances which makes it even more intriguing to guess who's hiding secrets. (*Với các tùy chọn tùy chỉnh nhân vật sống động, các thành viên trong đội có thể có những diện mạo độc đáo, điều này càng làm cho việc đoán xem ai đang che giấu bí mật trở nên thú vị hơn.*)

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 5 [696508]: A. to joining B. to join C. join D. joining

Kiến thức về danh động từ

* Ta có cụm từ cố định: **fancy doing something: có hứng thú, thích làm gì đó**

Tạm dịch: If you fancy (5) _____ this social game, reserve your time in advance to experience a thrilling journey with your friends! (*Nếu bạn thích tham gia trò chơi xã hội này, hãy đặt chỗ trước để trải nghiệm một hành trình đầy phấn khích cùng bạn bè!*)

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 6 [696509]: A. over B. in C. at D. on

Kiến thức về giới từ

* Ta có thành ngữ: **in advance: trước, trước đó**

Tạm dịch: If you fancy joining this social game, reserve your time (6) _____ advance to experience a thrilling journey with your friends! (*Nếu bạn thích tham gia trò chơi xã hội này, hãy dành trước thời gian của bạn để trải nghiệm một hành trình ly kỳ cùng bạn bè!*)

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

DỊCH BÀI:

Sống khỏe mạnh: Những bước nhỏ, tác động lớn

Bạn có muốn cảm thấy khỏe hơn, tràn đầy năng lượng hơn và sống lâu hơn không? Những thay đổi nhỏ trong lối sống có thể tác động lớn đến sức khỏe tổng thể của bạn. Sống một lối sống lành mạnh có thể giúp ngăn ngừa nhiều tình trạng sức khỏe nghiêm trọng.

Mẹo cho một lối sống lành mạnh hơn

● **Ăn uống cân bằng:** Bao gồm nhiều trái cây, rau, ngũ cốc nguyên hạt và protein nạc trong các bữa ăn của bạn. Tránh thực phẩm chế biến sẵn và đồ uống có đường.

● **Tập thể dục thường xuyên:** Đặt mục tiêu tập thể dục cường độ vừa phải ít nhất 30 phút hầu hết các ngày trong tuần. Bạn có thể đi bộ, chơi một môn thể thao mới hoặc chỉ cần nhảy múa quanh phòng khách.

● **Ngủ đủ giấc:** Hầu hết người lớn cần ngủ 7-9 tiếng mỗi đêm. Cố gắng đi ngủ và thức dậy vào cùng một thời điểm mỗi ngày.

● **Bỏ thuốc lá:** Hút thuốc là một yếu tố nguy cơ chính gây ra nhiều bệnh. Nếu bạn hút thuốc, hãy trao đổi với bác sĩ về các cách cai thuốc.

Việc đưa ra những lựa chọn lành mạnh hơn không phải lúc nào cũng dễ dàng, nhưng chỉ cần một chút nỗ lực, bạn có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong cuộc sống của mình. Hãy nhớ rằng, những bước nhỏ có thể dẫn đến những thay đổi lớn. Hãy khuyến khích bạn bè, gia đình và những người khác trong cộng đồng của bạn cùng tham gia hành trình này.

Healthy Living: Small Steps, Big Impact

Are you looking to feel better, have more energy, and live longer? Making small changes to your lifestyle can have a big impact on your overall health. Living a healthy lifestyle can prevent a (7) _____ of serious health conditions.

Tips for a healthier lifestyle

- **Eat a balanced diet:** Include plenty of fresh vegetables, whole grains, and lean protein in your meals. (8) _____ processed foods and sugary drinks.
- **Get regular exercise:** Aim for at least 30 minutes of moderate-intensity exercise most days of the week. You could go for a walk, (9) _____ a new sport, or simply dance around your living room.
- **Get enough sleep:** Most adults need 7 - 9 hours of sleep each night. Try to go to bed and wake up at the same time each day.
- **Quit smoking:** Smoking is a major risk factor for many (10) _____. If you smoke, talk to your doctor about ways to quit.

Making healthier choices is not always easy, (11) _____ with a little effort, you can make a big difference in your life. Remember, small steps can lead to big changes. (12) _____ your friends and family, and others in your community, to join you on this journey.

Question 7 [696510]: A. large amount B. lot C. many D. much

Kiến thức về lượng từ

*Xét các đáp án:

- A. a large amount of + N không đếm được: nhiều
 - B. a lot of + N không đếm được/ N đếm được số nhiều: nhiều
 - C. a many of: không có lượng từ này, chỉ có many + N đếm được số nhiều: nhiều
 - D. a much of: không có lượng từ này, chỉ có much + N không đếm được: nhiều
- Căn cứ vào danh từ số nhiều "conditions" → chỉ sử dụng được lượng từ a lot of

Tạm dịch: "Living a healthy lifestyle can help prevent a (7)_____ of serious health conditions."
(Sống một lối sống lành mạnh có thể giúp ngăn ngừa nhiều tình trạng sức khỏe nghiêm trọng.)
Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 8 [696511]: A. Conserve B. Invent C. Destroy D. Avoid

Kiến thức về từ vựng

*Xét các đáp án:

- A. conserve /kən'sɜ:v/ (v): bảo tồn
- B. invent /ɪn'vent/ (v): phát minh
- C. destroy /dɪ'strɔɪ/ (v): phá hủy
- D. avoid /ə'vɔɪd/ (v): tránh

Tạm dịch: "(8)_____ processed foods and sugary drinks." (Tránh thực phẩm chế biến sẵn và đồ uống có đường.)
Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 9 [696512]: A. rush out B. take up C. pick up D. break into

Kiến thức về cụm động từ

*Xét các đáp án:

- A. rush out: vội vàng chạy ra
- B. take up: bắt đầu làm một việc gì đó, bắt đầu một thói quen/sở thích
- C. pick up: nhặt lên, đón
- D. break into: đột nhập vào

Tạm dịch: "You could go for a walk, (9)_____ a new sport, or simply dance around your living room." (Bạn có thể đi bộ, chơi một môn thể thao mới hoặc chỉ cần nhảy múa quanh phòng khách.)
Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 10 [696513]: A. ailments B. injuries C. diseases D. illnesses

Kiến thức về từ vựng

*Xét các đáp án:

- A. ailment /'eɪlmənt/ (n): một loại bệnh không quá nghiêm trọng
- B. injury /'ɪndʒəri/ (n): chấn thương
- C. disease /dɪ'zi:z/ (n): một loại bệnh ảnh hưởng đến con người, động vật hoặc thực vật, thường có nguyên nhân gây ra là do nhiễm trùng
- D. illness /'ɪlnəs/ (n): một thời gian bị bệnh; trạng thái bị bệnh về mặt thể chất hoặc tinh thần; một loại bệnh

Tạm dịch: "Smoking is a major risk factor for many (10)_____." (*Hút thuốc là một yếu tố nguy cơ chính gây ra nhiều bệnh.*)

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 11 [696514]: A. therefore B. so C. although D. but

Kiến thức về liên từ

*Xét các đáp án:

- A. therefore, S + V: vì vậy (đứng sau dấu (.), (;) hoặc kẹp giữa hai dấu phẩy)
- B. so + S + V: vì vậy (đứng sau dấu (,))
- C. although + S + V: mặc dù
- D. but + S + V: nhưng

Tạm dịch: "Making healthier choices is not always easy, (11)_____ with a little effort, you can make a big difference in your life." (*Việc đưa ra những lựa chọn lành mạnh hơn không phải lúc nào cũng dễ dàng, nhưng chỉ cần một chút nỗ lực, bạn có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong cuộc sống của mình.*)

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 12 [696515]: A. Determine B. Contribute C. Appreciate D. Encourage

Kiến thức về từ vựng

*Xét các đáp án:

- A. determine /dɪ'tɜ:mɪn/ (v): xác định, quyết định
- B. contribute /kən'trɪbjʊ:t/ (v): đóng góp, góp phần vào
- C. appreciate /ə'pri:ʃiət/ (v): đánh giá cao
- D. encourage /ɪn'kʌrɪdʒ/ (v): khuyến khích

Tạm dịch: " (12)_____ your friends and family, and others in your community, to join you on this journey." (*Hãy khuyến khích bạn bè, gia đình và những người khác trong cộng đồng của bạn cùng tham gia hành trình này.*)

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13 [696516]:

a. Alex: That's awesome! I think we'll make a real difference together.

- b. Alex: I'm so excited about the upcoming community clean-up event! Have you signed up yet?
c. Emma: Yes, I signed up last week! It feels good to contribute to our neighborhood.

A: c-a-b

B: b-c-a

C: c-b-a

D: a-c-b

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

b. Alex: I'm so excited about the upcoming community clean-up event! Have you signed up yet?
(Alex: Tôi rất háo hức về sự kiện dọn dẹp cộng đồng sắp tới! Bạn đã đăng ký chưa?).

c. Emma: Yes, I signed up last week! It feels good to contribute to our neighborhood. (Emma: Vâng, tôi đã đăng ký tuần trước! Thật tuyệt khi được đóng góp cho khu phố của chúng ta).

a. Alex: That's awesome! I think we'll make a real difference together. (Alex: Thật tuyệt vời! Tôi nghĩ chúng ta sẽ cùng nhau tạo nên sự khác biệt thực sự).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **b-c-a**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 14 [696517]:

- a. Mark: Which country are you considering?
b. Jenna: I'm thinking about Spain because of its rich history and vibrant lifestyle.
c. Mark: That sounds exciting!
d. Mark: What made you decide to study abroad?
e. Jenna: I want to experience a different culture and learn a new language.

A: c-b-a-e-d

B: c-e-d-b-a

C: d-b-a-e-c

D: d-e-a-b-c

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

d. Mark: What made you decide to study abroad? (Mark: Điều gì khiến bạn quyết định đi du học?).

e. Jenna: I want to experience a different culture and learn a new language. (Jenna: Tôi muốn trải nghiệm một nền văn hóa khác và học một ngôn ngữ mới).

a. Mark: Which country are you considering? (Mark: Bạn đang cân nhắc đến quốc gia nào?).

b. Jenna: I'm thinking about Spain because of its rich history and vibrant lifestyle. (Jenna: Tôi nghĩ đến Tây Ban Nha vì nơi đây có lịch sử phong phú và lối sống sôi động).

c. Mark: That sounds exciting! (Mark: Nghe có vẻ thú vị đấy!).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **d - e - a - b - c**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 15 [696518]:

Dear Jamie,

- a. First, organizing local clean-up events can significantly impact our surroundings and engage more residents.

- b. This approach can lead to a greater awareness of environmental issues among the community members.
- c. I hope you're doing well. I've been reflecting on ways we can contribute to environmental conservation in our community.
- d. Moreover, educating children about the importance of recycling and sustainability in schools can foster a sense of responsibility from a young age.
- e. Ultimately, preserving our natural spaces is essential for future generations.

Best wishes,
John

A. d-b-a-e-c

B. b-e-a-d-c

C. a-d-b-c-e

D. c-a-d-b-e

Kiến thức về sắp xếp trật tự câu tạo thành lá thư:

*Để tạo nên một lá thư hoàn chỉnh, mở đầu phải là lời chào cũng như giới thiệu chủ đề sắp nói đến bằng cách dùng **Dear/ Hey/ Hi + tên người nhận**. Ở phần thân lá thư, ta sắp xếp sao cho chúng phù hợp về ngữ nghĩa (đó có thể là kể lại câu chuyện; nêu ra quan điểm, ý kiến về một vấn đề,...). Ta dùng **In the first place, First, First and foremost,...** để nêu ra ý đầu tiên và **Finally/ Last but not least/ Lastly/ Ultimately,...** để kết thúc việc kể chuyện/ đưa ra quan điểm, ý kiến. Kết thúc lá thư sẽ là lời nhắn nhủ, gửi lời chúc đến người nhận bằng cụm **Best wishes/ Best regards/ Best/ Yours sincerely/ Take care/ Warm regards/ Yours faithfully/ Write back soon/ Talk soon,...**

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

Dear Jamie, (*Jamie thân mến*),

c. I hope you're doing well. I've been reflecting on ways we can contribute environmental conservation in our community. (*Tôi hy vọng bạn vẫn khỏe. Tôi đang suy nghĩ về những cách chúng ta có thể đóng góp vào việc bảo tồn môi trường trong cộng đồng của mình*).

a. First, organizing local clean-up events can significantly impact our surroundings and engage more residents. (*Đầu tiên, việc tổ chức các sự kiện dọn dẹp tại địa phương có thể tác động đáng kể đến môi trường xung quanh và thu hút nhiều cư dân hơn*).

d. Moreover, educating children about the importance of recycling and sustainability in schools can foster a sense of responsibility from a young age. (*Hơn nữa, giáo dục trẻ em về tầm quan trọng của việc tái chế và sự bền vững ở trường học có thể thúc đẩy ý thức trách nhiệm ngay từ khi còn nhỏ*).

b. This approach can lead to a greater awareness of environmental issues among the community members. (*Cách tiếp cận này có thể giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về các vấn đề môi trường*).

e. Ultimately, preserving our natural spaces is essential for future generations. (*Cuối cùng, việc bảo tồn không gian tự nhiên của chúng ta là điều cần thiết cho các thế hệ tương lai*).

Best wishes, (*Chúc bạn mọi điều tốt nhất*),

John

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **c - a - d - b - e**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 16 [696519]:

- a. Lastly, having a part-time job can cause students to feel stressed, fatigued, and overwhelmed, potentially harming their mental health by increasing levels of stress, anxiety, and depression.
- b. Additionally, long hours and tight deadlines may leave students with inadequate time for studying, completing assignments, and preparing for exams.
- c. First, it can adversely affect students' academic performance, as juggling work and studies can be quite difficult.

- d. Taking on part-time jobs while studying can have several drawbacks.
e. In summary, part-time jobs can negatively impact academic performance and contribute to stress. Students should carefully consider these factors before taking on a part-time job.

A. c-d-b-a-e

B. a-b-c-d-e

C. b-c-d-a-e

D. c-a-d-b-e

Kiến thức về sắp xếp trật tự câu tạo thành đoạn văn:

*Để tạo nên một đoạn văn hoàn chỉnh, ta cần có luận điểm để mở đầu và các luận cứ để giải thích cho luận điểm đó. Trong tiếng Anh, để nêu lên luận cứ đầu tiên, ta dùng **In the first place, First, First and foremost,...** sau đó đến các liên từ, từ nối như **Secondly, Thirdly, Furthermore, Additionally, What's more,...** để nêu ra các luận cứ tiếp theo. Ở luận cứ cuối cùng, ta sử dụng **Finally/ Last but not least/ Lastly/ Ultimately,...** Sau đó, ta kết luận lại vấn đề có thể bằng **To sum up, In conclusion, In summary, All in all, Overall,...**

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- d.** Taking on part-time jobs while studying can have several drawbacks. (*Làm thêm bán thời gian trong khi đi học có thể có một số nhược điểm*).
- c.** First, it can adversely affect students' academic performance, as juggling work and studies can be quite difficult. (*Đầu tiên, nó có thể ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập của học sinh vì việc cân bằng giữa công việc và học tập có thể khá khó khăn*).
- b.** Additionally, long hours and tight deadlines may leave students with inadequate time for studying, completing assignments, and preparing for exams. (*Ngoài ra, giờ học dài và thời hạn nộp bài gấp gáp có thể khiến học sinh không có đủ thời gian để học, hoàn thành bài tập và chuẩn bị cho kỳ thi*).
- a.** Lastly, having a part-time job can cause students to feel stressed, fatigued, and overwhelmed, potentially harming their mental health by increasing levels of stress, anxiety, and depression. (*Cuối cùng, việc làm thêm có thể khiến học sinh cảm thấy căng thẳng, mệt mỏi và choáng ngợp, có khả năng gây hại cho sức khỏe tâm thần của họ bằng cách làm tăng mức độ căng thẳng, lo lắng và trầm cảm*).
- e.** In summary, part-time jobs can negatively impact academic performance and contribute to stress. Students should carefully consider these factors before taking on a part-time job. (*Tóm lại, công việc bán thời gian có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập và gây căng thẳng. Học sinh nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố này trước khi nhận việc làm bán thời gian*).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **d - c - b - a - e**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 17 [696520]:

- a. While working with diverse groups and organizing community events can be challenging, the joy of making a positive impact on people's lives is profoundly rewarding.
- b. I have enhanced my skills through numerous training sessions and by taking on various leadership roles in different initiatives.
- c. I began my volunteer journey 2 years ago, and it quickly realized my passion for community service and outreach programs.
- d. In conclusion, my experience in mobilizing teams and executing successful community projects has shaped me into a dedicated volunteer leader.
- e. My ability to connect with individuals from various backgrounds is one of my greatest assets in this role.

A. d-a-c-e-b

B. b-e-c-a-d

C. c-d-a-b-e

D. c-b-e-a-d

Kiến thức về sắp xếp trật tự câu tạo thành đoạn văn:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

c. I began my volunteer journey 2 years ago, and I quickly realized my passion for community service and outreach programs. (*Tôi bắt đầu hành trình tình nguyện của mình cách đây 2 năm và tôi nhanh chóng nhận ra niềm đam mê của mình đối với các chương trình phục vụ và tiếp cận cộng đồng*).

b. I have enhanced my skills through numerous training sessions and by taking on various leadership roles in different initiatives. (*Tôi đã nâng cao kỹ năng của mình thông qua nhiều buổi đào tạo và đảm nhận nhiều vai trò lãnh đạo trong các sáng kiến khác nhau*).

e. My ability to connect with individuals from various backgrounds is one of my greatest assets in this role. (*Khả năng kết nối với những cá nhân đến từ nhiều hoàn cảnh khác nhau là một trong những thế mạnh lớn nhất của tôi trong vai trò này*).

a. While working with diverse groups and organizing community events can be challenging, the joy of making a positive impact on people's lives is profoundly rewarding. (*Mặc dù làm việc với nhiều nhóm khác nhau và tổ chức các sự kiện cộng đồng có thể là một thách thức, niềm vui khi tạo ra tác động tích cực đến cuộc sống của mọi người lại vô cùng ý nghĩa*).

d. In conclusion, my experience in mobilizing teams and executing successful community projects has shaped me into a dedicated volunteer leader. (*Tóm lại, kinh nghiệm của tôi trong việc huy động các nhóm và thực hiện các dự án cộng đồng thành công đã giúp tôi trở thành một nhà lãnh đạo tình nguyện tận tụy*).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **c - b - e - a - d**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Read the following passage about cultural traditions and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

DỊCH BÀI:

Các lễ hội truyền thống, những thứ mà không hề bị lãng quên, đã tìm thấy ý nghĩa mới trong thế giới hiện đại của chúng ta. Các cộng đồng địa phương tìm ra những cách sáng tạo để bảo tồn di sản của họ trong khi thích nghi với cuộc sống đương đại. Các nghiên cứu cho thấy thế hệ trẻ ngày càng tham gia vào các lễ kỷ niệm văn hóa, tìm kiếm sự kết nối với nguồn gốc của họ.

Dự án nghiên cứu mang tính đột phá với những phát hiện đã thay đổi hiểu biết của chúng ta về các nghi lễ, mở ra góc nhìn mới về các nghi lễ của người bản địa vào tháng trước. Tài liệu mở rộng này đã ghi lại cách các nghi lễ cổ xưa phát triển trong khi vẫn duy trì ý nghĩa cốt lõi của chúng. Thông qua các kho lưu trữ kỹ thuật số và các chương trình tham gia cộng đồng, các truyền thống đang bị đe dọa tìm thấy sức sống mới trong thời đại kỹ thuật số.

Bảo tồn di sản đòi hỏi những cách tiếp cận có hệ thống. Những người lớn tuổi trong cộng đồng hướng dẫn các nhà nghiên cứu thông qua tài liệu truyền thống cổ xưa. Các phương pháp ghi chép hiện đại kết hợp với lịch sử truyền miệng truyền thống để đảm bảo các hoạt động văn hóa được trường tồn.

Ở nhiều vùng, tích lũy trí tuệ của tổ tiên, cộng đồng địa phương tăng cường bảo tồn di sản của họ. Sáng kiến tiên phong "Di sản sống" này cho phép cộng đồng chia sẻ câu chuyện của mình thông qua các nền tảng tương tác.

Dự án duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về tài liệu. Quan trọng hơn, được sự hỗ trợ của những người lớn tuổi trong cộng đồng, dự án có thể bảo tồn kiến thức văn hóa thông qua các phương pháp công nghệ.

Traditional festivals, far from fading into obscurity, (18) _____ Local communities find innovative ways to preserve their heritage while adapting to contemporary life. Studies show younger generations increasingly participate in cultural celebrations, seeking connection with their roots.

The groundbreaking research project (19) _____ opened new perspectives on indigenous ceremonies last month. This extensive documentation captured how ancient rituals evolved while maintaining their core significance. Through digital archives and community engagement programs, endangered traditions find new life in the digital age.

Heritage preservation demands systematic approaches. (20) _____ Modern documentation methods work alongside traditional oral histories to ensure cultural practices endure.

Throughout many regions, (21) _____ This pioneering “Living Heritage” initiative enables communities to share their stories through interactive platforms.

The project maintains strict documentation standards. More importantly, supported by local community elders, (22) _____

(Adapted from the Real IELTS)

Question 18 [696521]:

- A. whose significance has been found renewed in our modern world
- B. which are finding renewed significance in our modern world
- C. have found renewed significance in our modern world
- D. having found renewed significance in our modern world

Kiến thức về cấu trúc câu:

- Ta có cấu trúc của một mệnh đề độc lập: **S + V + ...**. Căn cứ vào vị trí chỗ trống, ta thấy câu đã có chủ ngữ là "Traditional festivals" và chưa có động từ chính \Rightarrow ta cần một động từ chính chia theo chủ ngữ "Traditional festivals" để tạo thành câu hoàn chỉnh \Rightarrow loại A, B (ta không dùng mệnh đề quan hệ); loại D (ta không dùng rút gọn động từ ở dạng phân từ hoàn thành).

Tạm dịch: Traditional festivals, far from fading into obscurity, (18) _____. (*Các lễ hội truyền thống, những thứ mà không hề bị lãng quên, đã tìm thấy ý nghĩa mới trong thế giới hiện đại của chúng ta*). Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 19 [696522]:

- A. whose findings transformation in our understanding of ritual practices
- B. of which findings transformed our understanding of ritual practices
- C. may have our understanding of ritual practices transformed its findings
- D. transformed our understanding of ritual practices with its findings

Kiến thức về mệnh đề quan hệ:

- Ta có: Trong một câu không thể có 2 động từ chính cùng chia theo thì của câu, động từ thứ hai phải ở trong mệnh đề quan hệ hoặc chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ \Rightarrow loại C.

- Nếu ta chọn đáp án D, ta sẽ hiểu rằng động từ "transformed" đang chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ ở thể bị động và nó là động từ của chủ ngữ "project". Tuy nhiên khi ghép nghĩa vào ngữ cảnh, ta sẽ thấy "transform" không mang nghĩa bị động mà là chủ động, và nếu rút gọn mệnh đề quan hệ thì phải đưa về dạng Ving. Còn nếu hiểu "transformed" là động từ chính chia ở thì quá khứ đơn thì nó sẽ xảy ra tình trạng trong một câu có hai động từ cùng chia theo thì của câu \Rightarrow loại D.

- Khi sử dụng đại từ quan hệ "whose", sau "whose" sẽ phải là danh từ rồi sau đó đến động từ \Rightarrow loại A (ta không thấy có động từ).

- Ta có: **which**: là đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ vật, sự vật, sự việc, làm chủ ngữ hoặc tân ngữ cho động từ sau nó. (theo sau which có thể là một động từ hoặc một chủ ngữ). Cụ thể ở đây, "**of which**" thay thế cho "**of the groundbreaking research project**".

Tạm dịch: The groundbreaking research project (19) _____ opened new perspectives on indigenous ceremonies last month. (*Dự án nghiên cứu mang tính đột phá với những phát hiện đã thay đổi hiểu biết của chúng ta về các nghi lễ, mở ra góc nhìn mới về các nghi lễ của người bản địa vào tháng trước*).

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 20 [696523]:

- A. Community elders guide researchers through ancient traditional documentation
- B. Traditional documentation is used to guide community elders through research
- C. To guide researchers through traditional documentation, it is done by community elders
- D. Research is guided by traditional documentation through community elders

Kiến thức về mệnh đề độc lập – nghĩa của câu:

***Xét các đáp án:**

- A. Những người lớn tuổi trong cộng đồng hướng dẫn các nhà nghiên cứu thông qua tài liệu truyền thống cổ xưa
- B. Tài liệu truyền thống được sử dụng để hướng dẫn những người lớn tuổi trong cộng đồng thông qua nghiên cứu
- C. Để hướng dẫn các nhà nghiên cứu thông qua tài liệu truyền thống, nó được thực hiện bởi những người lớn tuổi trong cộng đồng
- D. Nghiên cứu được hướng dẫn từ tài liệu truyền thống thông qua những người lớn tuổi trong cộng đồng

Tạm dịch: Heritage preservation demands systematic approaches. (20) _____. Modern documentation methods work alongside traditional oral histories to ensure cultural practices endure. (*Bảo tồn di sản đòi hỏi những cách tiếp cận có hệ thống. Những người lớn tuổi trong cộng đồng hướng dẫn các nhà nghiên cứu thông qua tài liệu truyền thống cổ xưa. Các phương pháp ghi chép hiện đại kết hợp với lịch sử truyền miệng truyền thống để đảm bảo các hoạt động văn hóa được trường tồn*).

Căn cứ vào nghĩa, A là đáp án phù hợp.

Question 21 [696524]:

- A. local communities preserve their heritage in order to gather ancestral wisdom
- B. having been gathered ancestral wisdom, the heritage preservation goes on
- C. gathering ancestral wisdom, local communities enhance their heritage preservation
- D. ancestral wisdom is gathered, local communities will preserve their heritage

Kiến thức về mệnh đề độc lập – nghĩa của câu:

Ta có: Hai mệnh đề độc lập không thể nối với nhau bằng dấu phẩy, giữa chúng phải là liên từ/ từ nối ⇒ loại D.

Xét nghĩa các đáp án còn lại:

- A. cộng đồng địa phương bảo tồn di sản của họ để tích lũy trí tuệ của tổ tiên
- B. sau khi đã tích lũy trí tuệ của tổ tiên, việc bảo tồn di sản vẫn tiếp tục
- C. tích lũy trí tuệ của tổ tiên, cộng đồng địa phương tăng cường bảo tồn di sản của họ

Tạm dịch: Throughout many regions, (21) _____. (*Ở nhiều vùng, tích lũy trí tuệ của tổ tiên, cộng đồng địa phương tăng cường bảo tồn di sản của họ*).

Căn cứ vào nghĩa, C là đáp án phù hợp.

Question 22 [696525]:

- A. cultural knowledge passes down through generations with technological methods
- B. receiving cultural knowledge through generations requires technological methods
- C. researchers could transmit cultural knowledge through technological methods
- D. the project could preserve cultural knowledge through technological methods

Kiến thức về phân từ hiện tại, phân từ hoàn thành:

Tạm dịch: The project maintains strict documentation standards. More importantly, supported by local community elders, (22) _____. (*Dự án duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về tài liệu. Quan trọng hơn, được sự hỗ trợ của những người lớn tuổi trong cộng đồng, dự án có thể bảo tồn kiến thức văn hóa thông qua các phương pháp công nghệ.*)

⇒ Ta có: Khi 2 vế đồng chủ ngữ, người ta bỏ chủ ngữ của mệnh đề đầu, đưa động từ về dạng Vp2/ Having been Vp2 khi động từ ở thể bị động. Xét cụ thể trong câu, chủ ngữ của mệnh đề đầu và mệnh đề sau phải giống nhau, và thứ được "ủng hộ" phải là "the project" (dự án), nên đây cũng là chủ ngữ của mệnh đề ở vị trí chỗ trống. Do đó, D là đáp án phù hợp.

Reading the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

DỊCH BÀI:

Ở phía đông nam Thái Bình Dương, trên một vùng đất được gọi là Đảo Phục Sinh (nay là một lãnh thổ của Chile), có hàng trăm khối đá nguyên khối khổng lồ. Những tác phẩm chạm khắc này, được gọi là "moai", có thể nhận dạng bằng những chiếc đầu to, lông mày rậm, mũi dài, tai dài và môi nhô ra. Trong khi chúng cao trung bình bốn mét và nặng 12,5 tấn, thì tác phẩm lớn nhất cao gần 10 mét và tác phẩm nặng nhất nặng 86 tấn. Các tác phẩm điêu khắc thẳng đứng nằm rải rác khắp Đảo Phục Sinh, nhiều tác phẩm được đặt trên các bệ gọi là "ahu" dọc theo bờ biển, trong khi những tác phẩm khác nằm sâu hơn trong đất liền và một số nằm gần mỏ đá núi lửa chính Rano Raraku.

Người Rapa Nui trên đảo đã xây dựng tổng cộng 887 bức tượng ấn tượng này trong khoảng thời gian từ thế kỷ 12 đến thế kỷ 16. Người ta nói rằng chúng là biểu tượng của quyền lực tôn giáo và chính trị, hiện thân của những thủ lĩnh hoặc tổ tiên uy quyền, chúng hướng mặt vào đất liền về phía các ngôi làng trên đảo, có lẽ đang bảo vệ những người tạo ra chúng, giữ cho họ được an toàn.

Trong khi việc tạo ra những khối đá nguyên khối như vậy - hầu hết từ tro núi lửa với đục đá thủ công - là một kỳ tích ấn tượng, thì điều đáng chú ý hơn (chưa kể đến sự bí ẩn) là cách chúng được di chuyển đến vị trí cuối cùng của mình.

Trước đây, hầu hết các nhà nghiên cứu đều liên hệ việc xây dựng và vận chuyển các bức tượng Moai với nạn phá rừng tràn lan trên đảo và sự sụp đổ cuối cùng của nền văn minh Rapa Nui. Giả thuyết này một phần dựa trên thực tế là dấu vết phấn hoa đột nhiên biến mất cùng lúc với thời điểm người Rapa Nui ngừng xây dựng các bức tượng moai và vận chuyển chúng bằng các khúc gỗ. Chính xác thì các khúc gỗ tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển các bức tượng như thế nào? Hầu hết những người ủng hộ phương pháp này tin rằng người dân đã tạo ra "con lăn" bằng cách sắp xếp các khúc gỗ song song mà các bức tượng nằm sắp được kéo hoặc đẩy lên. Họ không cần một con đường toàn gỗ vì những khúc gỗ ở phía sau có thể được đặt lại lên phía trước, tạo thành một dạng bệ di động. Để dễ lăn hơn và giữ nguyên vị trí, bức tượng sẽ được đặt trên hai khúc gỗ xếp theo hình chữ V.

In the southeastern Pacific Ocean, on the piece of land known as Easter Island (now a territory of Chile), stand several hundred massive stone monoliths. These carvings, called "moai," are recognizable by their oversized heads, heavy brows, long noses, elongated ears, and protruding lips. While **they** average four meters in height and 12.5 tonnes, the largest is almost 10 meters tall, and the heaviest weighs 86 tons. The upright sculptures are

scattered around Easter Island, many installed on platforms called "ahu" along the coast, while others are more inland, and several stand near the main volcanic quarry of Rano Raraku.

The Rapa Nui people of the island built a total of 887 of these **impressive** statues between the 12th and 16th centuries. They were, it is said, symbols of religious and political authority, embodiments of powerful chiefs or ancestors who faced inland toward the island's villages, perhaps watching over their creators, keeping them safe.

While the very creation of such monoliths—most out of volcanic ash with stone hand chisels—is an impressive feat, what is more remarkable (not to mention mysterious) is how they were transported to their resting places.

In the past, most researchers associated the building and transportation of the moai with widespread deforestation on the island and the eventual collapse of the Rapa Nui civilization. This hypothesis is based, in part, on the fact that the pollen record suddenly disappeared at the same time as the Rapa Nui people stopped constructing the moai and transporting them with the help of wooden logs. How exactly would logs **facilitate** the movement of the statues? Most proponents of this method believe that the people created "rollers" by arranging parallel logs on which the prone statues were pulled or pushed. They would not have required an entire roadway of logs since logs from the back could be placed at the front, creating a moving platform of sorts. To make it easier to roll, and keep in position, the statue would be placed on two logs arranged in a V shape.

(Adapted from TOEFL READING)

Question 23 [696526]: Which of the following is **NOT** mentioned as a physical characteristic of the Moai statues?

- A. oversized heads B. long noses C. elongated torsos D. protruding lips

Đặc điểm nào sau đây KHÔNG được đề cập đến như là đặc điểm ngoại hình của các bức tượng Moai?

- A. đầu quá khổ
B. mũi dài
C. thân hình dài
D. môi nhô ra

Căn cứ vào thông tin: These carvings, called "moai," are recognizable by their **oversized heads**, heavy brows, **long noses**, elongated ears, and **protruding lips**. (*Những tác phẩm chạm khắc này, được gọi là "moai", có thể nhận dạng bằng những chiếc đầu to, lông mày rậm, mũi dài, tai dài và môi nhô ra*).

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 24 [696527]: The word "**they**" in paragraph 1 refers to _____.

- A. ancestors B. moai statues C. ahu platforms D. volcanic quarries

Từ **they** trong đoạn 1 ám chỉ _____.

- A. ancestors – ancestor /'æn.ses.tər/ (n): tổ tiên
- B. moai statues: các bức tượng moai
- C. ahu platforms: bệ đá ahu
- D. volcanic quarries: mỏ đá núi lửa

Căn cứ vào thông tin: These carvings, called “moai,” are recognizable by their oversized heads, heavy brows, long noses, elongated ears, and protruding lips. While **they** average four meters in height and 12.5 tonnes, the largest is almost 10 meters tall, and the heaviest weighs 86 tons. (*Những tác phẩm chạm khắc này, được gọi là “moai”, có thể nhận dạng bằng những chiếc đầu to, lông mày rậm, mũi dài, tai dài và môi nhô ra. Trong khi **chúng** cao trung bình bốn mét và nặng 12,5 tấn, thì tác phẩm lớn nhất cao gần 10 mét và tác phẩm nặng nhất nặng 86 tấn.*)

⇒ **they ~ moai statues**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 25 [696528]: The word **impressive** in paragraph 2 is **OPPOSITE** in meaning to _____.

- A. imposing
- B. extraordinary
- C. moderate
- D. splendid

Từ **impressive** trong đoạn 2 trái nghĩa với _____.

- A. imposing /ɪm'pəʊ.zɪŋ/ (a): ấn tượng
- B. extraordinary /ɪk'strɔ:.dɪn.ər.i/ (a): phi thường
- C. moderate /'mɒd.ər.ət/ (a): vừa phải, vừa vừa
- D. splendid /'splen.dɪd/ (a): lộng lẫy

Căn cứ vào thông tin: The Rapa Nui people of the island built a total of 887 of these **impressive** statues between the 12th and 16th centuries. (*Người Rapa Nui trên đảo đã xây dựng tổng cộng 887 bức tượng **ấn tượng** này trong khoảng thời gian từ thế kỷ 12 đến thế kỷ 16.*)

⇒ **impressive > < moderate**

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 26 [696529]: The word **facilitate** in paragraph 4 could best be replaced by _____.

- A. assist
- B. obstruct
- C. handle
- D. manipulate

Từ **facilitate** trong đoạn 4 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. assist /ə'sɪst/ (v): giúp đỡ, hỗ trợ
- B. obstruct /əb'strʌkt/ (v): cản trở
- C. handle /'hændl/ (v): xử lý
- D. manipulate /mə'nɪp.jə.leɪt/ (v): thao túng

Căn cứ vào thông tin: How exactly would logs **facilitate** the movement of the statues? Most proponents of this method believe that the people created “rollers” by arranging parallel logs on which the prone statues were pulled or pushed. (*Chính xác thì các khúc gỗ **tạo điều kiện thuận lợi** cho việc di chuyển các bức tượng như thế nào? Hầu hết những người ủng hộ phương pháp này tin rằng người dân đã tạo ra “con lăn” bằng cách sắp xếp các khúc gỗ song song mà các bức tượng nằm sắp được kéo hoặc đẩy lên.*)

⇒ **facilitate ~ assist**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 27 [696530]: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. Researchers believe that constructing and moving the moai may have led to deforestation and the decline of the Rapa Nui society.
- B. The Rapa Nui civilization collapsed because they cut down forests to create farmland for food production.
- C. Researchers think that deforestation on the island prevented the Rapa Nui from building and transporting additional moai.
- D. The Rapa Nui people stopped making moai to avoid further damage to the island's natural resources.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân trong đoạn 4 một cách phù hợp nhất?

Xét câu được gạch chân ở đoạn 4: **In the past, most researchers associated the building and transportation of the moai with widespread deforestation on the island and the eventual collapse of the Rapa Nui civilization.** (*Trước đây, hầu hết các nhà nghiên cứu đều liên hệ việc xây dựng và vận chuyển các bức tượng Moai với nạn phá rừng tràn lan trên đảo và sự sụp đổ cuối cùng của nền văn minh Rapa Nui*).

- A. Các nhà nghiên cứu tin rằng việc xây dựng và di chuyển các bức tượng Moai có thể dẫn tới vấn nạn chặt phá rừng và sự suy tàn của xã hội Rapa Nui.
- B. Nền văn minh Rapa Nui sụp đổ vì họ chặt phá rừng để lấy đất nông nghiệp phục vụ sản xuất lương thực ⇒ Đáp án B không phù hợp do câu gốc không đề cập đến việc lấy đất nông nghiệp phục vụ sản xuất lương thực.
- C. Các nhà nghiên cứu cho rằng nạn phá rừng trên đảo đã ngăn cản người Rapa Nui xây dựng và vận chuyển thêm các bức tượng Moai ⇒ Đáp án C không phù hợp do câu gốc không đề cập đến việc nạn phá rừng trên đảo đã ngăn cản người Rapa Nui xây dựng và vận chuyển thêm các bức tượng Moai.
- D. Người Rapa Nui đã ngừng làm tượng Moai để tránh gây thêm thiệt hại cho tài nguyên thiên nhiên của hòn đảo ⇒ Đáp án D không phù hợp do câu gốc không đề cập đến việc người Rapa Nui ngừng làm tượng Moai.

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 28 [696531]: Which of the following is **TRUE** according to the passage?

- A. The heaviest moai statue weighs 86 tons.
- B. The moai statues were carved from limestone.
- C. The statues face outward toward the ocean.
- D. The Rapa Nui used advanced technology to carve the statues.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Tượng Moai lớn nhất nặng 86 tấn
- B. Tượng Moai được chạm khắc từ đá vôi.
- C. Tượng hướng ra ngoài về phía đại dương.
- D. Người Rapa Nui sử dụng công nghệ tiên tiến để chạm khắc các bức tượng.

Căn cứ vào thông tin:

- While they average four meters in height and 12.5 tonnes, the largest is almost 10 meters tall, and the heaviest weighs 86 tons. (*Trong khi chúng cao trung bình bốn mét và nặng 12,5 tấn, thì tác phẩm lớn nhất cao gần 10 mét và tác phẩm nặng nhất nặng 86 tấn*) ⇒ **đáp án A đúng.**

- While the very creation of such monoliths – **most out of volcanic ash with stone hand chisels** – is an impressive feat, what is more remarkable (not to mention mysterious) is how they were transported to their resting places. (*Trong khi việc tạo ra những khối đá nguyên khối như vậy - hầu hết từ tro núi lửa với việc đục đá thủ công - là một kỳ tích ẩn tượng, thì điều đáng chú ý hơn (chưa kể đến sự bí ẩn) là cách chúng được di chuyển đến vị trí cuối cùng của mình*) ⇒ **đáp án B, D sai.**

- They were, it is said, symbols of religious and political authority, embodiments of powerful chiefs or ancestors who **faced inland toward the island's villages**, perhaps watching over their creators, keeping them safe. (Người ta nói rằng chúng là biểu tượng của quyền lực tôn giáo và chính trị, hiện thân của những thủ lĩnh hoặc tổ tiên uy quyền, chúng hướng mặt vào đất liền về phía các ngôi làng trên đảo, có lẽ đang bảo vệ những người tạo ra chúng, giữ cho họ được an toàn) ⇒ **đáp án C sai.**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 29 [696532]: In which paragraph does the author discuss a causal relationship?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Trong đoạn văn nào tác giả thảo luận về mối quan hệ nguyên nhân kết quả?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin đoạn 4: In the past, most researchers associated the building and transportation of the moai with widespread deforestation on the island and the eventual collapse of the Rapa Nui civilization. (*Trước đây, hầu hết các nhà nghiên cứu đều liên hệ việc xây dựng và vận chuyển các bức tượng Moai với nạn phá rừng tràn lan trên đảo và sự sụp đổ cuối cùng của nền văn minh Rapa Nui*).

⇒ Ta thấy mối quan hệ nguyên nhân kết quả được đề cập trong đoạn 4 là: do việc xây dựng và vận chuyển các bức tượng Moai nên rừng bị chặt phá tràn lan trên đảo và nền văn minh Rapa Nui sụp đổ. Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 30 [696533]: In which paragraph does the writer discuss the possible technique used to move the statues?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Trong đoạn văn nào tác giả thảo luận về kỹ thuật có thể được sử dụng để di chuyển các bức tượng?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin đoạn 4: How exactly would logs facilitate the movement of the statues? Most proponents of this method believe that the people created "rollers" by arranging parallel logs on which the prone statues were pulled or pushed. (*Chính xác thì các khúc gỗ tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển các bức tượng như thế nào? Hầu hết những người ủng hộ phương pháp này tin rằng người dân đã tạo ra "con lăn" bằng cách sắp xếp các khúc gỗ song song mà các bức tượng nằm sắp được kéo hoặc đẩy lên*).

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Read the following passage about tourism and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 31 to 40.

Dịch

Đã qua rồi cái thời mà thành công trong du lịch chỉ đơn giản là đếm đầu người qua cổng soát vé. Giống như một bậc thầy biên đạo dàn dựng một vở ba lê phức tạp, du lịch hiện đại đòi hỏi sự cân bằng tinh tế giữa sự hài lòng của du khách và bảo tồn môi trường. Tại thị trấn ven biển đẹp như tranh Port Haven, thực tế này đã trở nên rõ ràng, khi một cách tiếp cận du lịch độc đáo đã bén rễ.

Những lời thì thầm về sự thay đổi bắt đầu từ những con hẻm lát đá cuội của thị trấn, nơi những nghệ nhân địa phương biến xưởng của họ thành bảo tàng sống. Thay vì ngăn cách không gian văn hóa, Port Haven đã xóa bỏ ranh giới giữa du khách và thợ thủ công. Trong các xưởng đã cũ kỹ, du khách giờ đây thấy mình đang học nghề với những bậc thầy địa phương, đôi tay họ được hướng dẫn qua nghệ thuật chạm khắc thuyền hoặc dệt lưới tinh tế. Những trải nghiệm sâu sắc này đã khơi dậy sự hồi sinh bất ngờ của các nghề thủ công truyền thống, thổi luồng sinh khí mới vào các hoạt động từng được cho là đã mai một theo thời gian.

Điều khiến Port Haven trở nên khác biệt không chỉ là cách tiếp cận bảo tồn mà còn là triết lý về không gian linh hoạt của nơi này. Kiến trúc của thị trấn kể câu chuyện này một cách rõ nét – các bến tàu đánh cá lịch sử đóng vai trò như rạp hát ngoài trời vào lúc hoàng hôn, trong khi các khu chợ buổi sáng biến thành các vòng tròn kể chuyện vào buổi chiều. Sự chuyển hoá không ngừng này phản ánh một sự hiểu biết sâu sắc hơn: rằng không gian, giống như thủy triều, không cần phải bị ràng buộc vào một mục đích duy nhất. Mỗi quan hệ của thị trấn với di sản biển của mình minh họa rõ triết lý linh hoạt này. Những người đánh cá địa phương, thay vì từ bỏ các hoạt động truyền thống của họ, đã trở thành kiến trúc sư tạo nên một trải nghiệm hàng hải mới. Kiến thức của họ định hình nhịp điệu của các hoạt động du lịch, từ thời điểm tham quan rạn san hô đến sự luân chuyển theo mùa của các tuyến đường ven biển. Sự cộng sinh này đã tạo ra thứ mà người dân địa phương gọi là "du lịch nhịp điệu" – một cách tiếp cận mà du khách trải nghiệm sự lên xuống theo chu kỳ tự nhiên.

Các thị trấn ven biển lân cận đã bắt đầu chú ý, không phải để sao chép một công thức, mà để suy ngẫm một triết lý. Thành công của Port Haven không nằm ở việc bảo tồn cứng nhắc hay chuyển đổi toàn diện, mà nằm ở khả năng duy trì cuộc đối thoại liên tục giữa quá khứ và hiện tại, giữa cư dân và du khách, giữa truyền thống và đổi mới.

[I] Gone are the days when success in tourism meant merely counting heads through turnstiles. [II] Like a master choreographer orchestrating an intricate ballet, modern tourism demands a delicate balance between visitor satisfaction and environmental stewardship. [III] In the picturesque coastal town of Port Haven, this reality has come into sharp focus, where an unconventional approach to tourism has **taken root**. [IV]

The whispers of change began in the town's cobblestone alleys, where local artisans transformed their workshops into living museums. Rather than crowding off cultural spaces, Port Haven has **dissolved** the boundaries between visitors and craftsmen. In weathered workshops, tourists now find themselves apprenticed to local masters, **their** hands guided through the subtle art of boat carving or net weaving. These immersive encounters have sparked an unexpected renaissance of traditional crafts, breathing new life into practices once thought lost to time.

What sets Port Haven apart is not merely its approach to preservation, but its philosophy of fluid spaces. The town's architecture tells this story eloquently—historic fishing wharves double as open-air theaters at dusk, while morning markets metamorphose into storytelling circles by afternoon. This constant transformation reflects a deeper understanding: that spaces, like the tides themselves, need not be bound to single purposes.

The town's relationship with its marine heritage exemplifies this fluid approach. Local fishermen, rather than abandoning their traditional practices, have become the architects of a new maritime experience. Their knowledge shapes the rhythm of tourist activities, from the timing of coral reef visits to the seasonal rotation of coastal trails. This symbiosis has created what locals call "rhythmic tourism"—an approach where visitors experience ebb and flow with natural cycles.

Neighboring coastal towns have begun to take notice, not of a formula to replicate, but of a philosophy to ponder. Port Haven's success lies not in rigid preservation or wholesale transformation but in its ability to maintain a constant dialogue between past and present, resident and visitor, tradition and innovation.

(Adapted from <https://learnenglish.britishcouncil.org/>)

Question 31 [696534]: Where in paragraph 1 would the following sentence best fit?

Under this innovative approach, tourists become active participants rather than passive observers.

- A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]

Câu sau đây phù hợp nhất ở vị trí nào trong đoạn 1?

Theo cách tiếp cận sáng tạo này, khách du lịch sẽ trở thành người tham gia tích cực thay vì là người quan sát thụ động.

- A. [I]
B. [II]
C. [III]
D. [IV]

Xét vị trí [IV]: In the picturesque coastal town of Port Haven, this reality has come into sharp focus, where an unconventional approach to tourism has taken root. [IV] (*Tại thị trấn ven biển đẹp như tranh Port Haven, thực tế này đã trở nên rõ ràng, khi một cách tiếp cận du lịch độc đáo đã bén rễ. [IV]*).

⇒ Ta thấy câu văn trước vị trí [IV] đề cập đến "cách tiếp cận du lịch độc đáo" và câu văn của đề bài có "innovative approach" (cách tiếp cận sáng tạo" ⇒ câu văn ở vị trí [IV] là hợp lí, nó có chức năng bổ nghĩa, tiếp nối nội dung cho câu trước đó.

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 32 [696535]: The phrase "**taken root**" in paragraph 1 could best be replaced by _____.

- A. become an indispensable part B. begun to be widely accepted
C. achieved noticeable results D. introduced a temporary trend

Cụm từ "taken root" trong đoạn 1 có thể được thay thế bằng _____.

- A. become an indispensable part: trở thành một phần không thể thiếu
B. begun to be widely accepted: bắt đầu được chấp nhận rộng rãi
C. achieved noticeable results: đạt được kết quả đáng chú ý
D. introduced a temporary trend: giới thiệu một xu hướng tạm thời

Căn cứ vào thông tin:

In the picturesque coastal town of Port Haven, this reality has come into sharp focus, where an unconventional approach to tourism has **taken root**. (*Tại thị trấn ven biển đẹp như tranh Port Haven, thực tế này đã trở nên rõ ràng, khi một cách tiếp cận du lịch độc đáo đã bén rễ.*)

⇒ **taken root** → take root: bén rễ, bắt đầu trở nên cố định hoặc hình thành, được chấp nhận ~ **begun to be widely accepted**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 33 [696536]: The word “**their**” in paragraph 2 refers to _____.

- A. local masters B. workshops C. tourists D. hands

Từ “**their**” trong đoạn 2 ám chỉ _____.

- A. local masters: bậc thầy địa phương
B. workshops - workshop /'wɜ:k.ʃɒp/ (n): xưởng
C. tourists – tourist /'tʊə.rɪst/ (n): du khách
D. hands - hand /hænd/ (n): bàn tay

Căn cứ vào thông tin:

In weathered workshops, tourists now find themselves apprenticed to local masters, **their** hands guided through the subtle art of boat carving or net weaving. (*Trong các xưởng đã cũ kỹ, du khách giờ đây thấy mình đang học nghề với những bậc thầy địa phương, đôi tay họ được hướng dẫn qua nghệ thuật chạm khắc thuyền hoặc dệt lưới tinh tế*).

⇒ **their ~ tourists**

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 34 [696537]: According to paragraph 2, which of the following is **NOT** an element of Port Haven’s workshops?

- A. craft demonstrations B. hands-on instruction
C. written documentation D. skill transmission

Theo đoạn 2, yếu tố nào sau đây KHÔNG phải là một phần của xưởng Port Haven?

- A. trưng bày thủ công
B. hướng dẫn thực hành
C. tài liệu viết
D. truyền đạt kỹ năng

Căn cứ vào thông tin:

The whispers of change began in the town's cobblestone alleys, **where local artisans transformed their workshops into living museums**. Rather than cordoning off cultural spaces, Port Haven has dissolved the boundaries between visitors and craftsmen. In weathered workshops, **tourists now find themselves apprenticed to local masters, their hands guided through the subtle art of boat carving or net weaving**. (*Những lời thì thầm về sự thay đổi bắt đầu từ những con hẻm lát đá cuội của thị trấn, nơi những nghệ nhân địa phương biến xưởng của họ thành bảo tàng sống. Thay vì ngăn cách không gian văn hóa, Port Haven đã xóa bỏ ranh giới giữa du khách và thợ thủ công. Trong các xưởng đã cũ kỹ, du khách giờ đây thấy mình đang học nghề với những bậc thầy địa phương, đôi tay họ được hướng dẫn qua nghệ thuật chạm khắc thuyền hoặc dệt lưới tinh tế*).

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 35 [696538]: The word “**dissolved**” in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. dispersed B. initiated C. merged D. diffused

Từ "dissolved" trong đoạn 2 có nghĩa TRÁI với _____.

- A. disperse /dɪ'spɜːs/ (v): phân tán
- B. initiate /ɪ'nɪʃieɪt/ (v): khởi xướng
- C. merge /mɜːdʒ/ (v): hợp nhất
- D. diffuse /dɪ'fjuːz/ (v): khuếch tán

Căn cứ vào thông tin:

Rather than cordoning off cultural spaces, Port Haven has **dissolved** the boundaries between visitors and craftsmen. (*Thay vì ngăn cách không gian văn hóa, Port Haven đã xóa bỏ ranh giới giữa du khách và thợ thủ công.*)

⇒ **dissolve >< initiate**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 36 [696539]: Which of the following best summarizes paragraph 4?

- A. Fishermen in the town shape visitor experiences through seasonal and ecological awareness.
- B. Traditional fishing practices evolve alongside contemporary tourism development patterns.
- C. Local knowledge systems integrate environmental cycles with tourism management.
- D. Coastal heritage preservation balances economic incentives with cultural authenticity.

Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 4?

- A. Những ngư dân trong thị trấn định hình trải nghiệm của du khách thông qua nhận thức về mùa vụ và sinh thái
- B. Các hoạt động đánh bắt cá truyền thống phát triển cùng với các mô hình phát triển du lịch đương đại
- C. Hệ thống kiến thức địa phương tích hợp chu trình môi trường với quản lý du lịch
- D. Bảo tồn di sản ven biển cân bằng lợi ích kinh tế với tính chân thực của văn hóa

Căn cứ vào thông tin đoạn 4: The town's relationship with its marine heritage exemplifies this fluid approach. **Local fishermen, rather than abandoning their traditional practices, have become the architects of a new maritime experience. Their knowledge shapes the rhythm of tourist activities, from the timing of coral reef visits to the seasonal rotation of coastal trails.** This symbiosis has created what locals call "rhythmic tourism" – an approach where visitors experience ebb and flow with natural cycles. (*Mối quan hệ của thị trấn với di sản biển của mình minh họa rõ triết lý linh hoạt này. Những người đánh cá địa phương, thay vì từ bỏ các hoạt động truyền thống của họ, đã trở thành những kiến trúc sư tạo nên một trải nghiệm hàng hải mới mẻ. Kiến thức của họ định hình nhịp điệu của các hoạt động du lịch, từ thời điểm tham quan rạn san hô đến sự luân chuyển theo mùa của các tuyến đường ven biển. Sự cộng sinh này đã tạo ra thứ mà người dân địa phương gọi là "du lịch nhịp điệu" – một cách tiếp cận mà du khách trải nghiệm sự lên xuống theo chu kỳ tự nhiên.*)
Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 37 [696540]: Which of the following statements is TRUE according to the passage?

- A. Local masters have converted their traditional workspaces into interactive cultural venues.
- B. Traditional workshops operate as museums where cultural practices are demonstrated.
- C. Craftsmen transfer their skills to tourists through systematic training programs daily.
- D. Workshop spaces combine historical preservation with modern learning approaches.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Các bậc thầy địa phương đã chuyển đổi không gian làm việc truyền thống của họ thành địa điểm văn hóa mang tính tương tác.
- B. Các xưởng truyền thống hoạt động như bảo tàng, nơi các hoạt động văn hóa được trình diễn.
- C. Những người thợ thủ công truyền đạt kỹ năng của họ cho khách du lịch thông qua các chương trình đào tạo có hệ thống hàng ngày.
- D. Không gian xưởng kết hợp bảo tồn lịch sử với phương pháp học tập hiện đại.

Căn cứ vào thông tin:

- The whispers of change began in the town's cobblestone alleys, **where local artisans transformed their workshops into living museums.** (*Những lời thì thầm về sự thay đổi bắt đầu từ những con hẻm lát đá cuội của thị trấn, nơi những nghệ nhân địa phương biến xưởng của họ thành bảo tàng sống*) ⇒

đáp án A đúng

- Các đáp án còn lại không được đề cập.
- Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 38 [696541]: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3?

- A. The distinguishing feature of Port Haven is not only its commitment to preservation but also its innovative use of adaptable spaces.
- B. The reason Port Haven is notable lies not solely in its preservation methods but in its perspective on multifunctional areas.
- C. The uniqueness of Port Haven stems from more than just its preservation strategies; it also embraces a philosophy of versatile spaces.
- D. The characteristic that defines Port Haven is not just its focus on conservation but its philosophy regarding fixed uses for historical sites.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân trong đoạn 3 một cách phù hợp nhất?

Xét câu gạch chân ở đoạn 3: **What sets Port Haven apart is not merely its approach to preservation, but its philosophy of fluid spaces.** (*Điều khiến Port Haven trở nên khác biệt không chỉ là cách tiếp cận bảo tồn mà còn là triết lý về không gian linh hoạt của nơi này.*)

- A. Điểm đặc biệt của Port Haven không chỉ là cam kết bảo tồn mà còn là cách sử dụng sáng tạo các không gian thích ứng ⇒ Đáp án A không phù hợp do không sát nghĩa so với câu gốc.
 - B. Lý do khiến Port Haven đáng chú ý không chỉ nằm ở các phương pháp bảo tồn mà còn ở quan điểm về các khu vực đa chức năng ⇒ Đáp án B không phù hợp do không sát nghĩa so với câu gốc.
 - C. Sự độc đáo của Port Haven không chỉ bắt nguồn từ các chiến lược bảo tồn; thành phố này còn áp dụng triết lý về các không gian đa năng ⇒ phù hợp do **What sets Port Haven apart ~ The uniqueness of Port Haven, philosophy of fluid spaces ~ philosophy of versatile spaces**
 - D. Đặc điểm định hình nên Port Haven không chỉ là sự tập trung vào bảo tồn mà còn là triết lý về việc sử dụng cố định các di tích lịch sử ⇒ Đáp án D không phù hợp do không sát nghĩa so với câu gốc.
- Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 39 [696542]: What can be inferred from the passage?

- A. Physical guidance via craft processes produces deeper engagement than visual instruction alone.
- B. The continuous adaptation of market spaces leads to increased community participation rates.
- C. Regular interaction between fishermen and visitors creates lasting environmental awareness.
- D. The combination of storytelling and crafts develops a more comprehensive cultural understanding.

Có thể suy ra điều nào sau đây từ đoạn văn?

A. Hướng dẫn thực tế thông qua các quá trình thủ công tạo ra sự tương tác sâu sắc hơn so với chỉ hướng dẫn trực quan.

B. Việc điều chỉnh liên tục các không gian chợ dẫn đến tăng tỷ lệ tham gia của cộng đồng.

C. Tương tác thường xuyên giữa ngư dân và du khách tạo ra nhận thức lâu dài về môi trường.

D. Sự kết hợp giữa kể chuyện và thủ công phát triển sự hiểu biết toàn diện hơn về văn hóa.

Căn cứ vào thông tin:

In weathered workshops, tourists now find themselves apprenticed to local masters, their hands guided through the subtle art of boat carving or net weaving. These immersive encounters have sparked an unexpected renaissance of traditional crafts, breathing new life into practices once thought lost to time. (*Trong các xưởng đã cũ kỹ, du khách giờ đây thấy mình đang học nghề với những bậc thầy địa phương, đôi tay họ được hướng dẫn qua nghệ thuật chạm khắc thuyền hoặc dệt lưới tinh tế. Những trải nghiệm sâu sắc này đã khơi dậy sự hồi sinh bất ngờ của các nghề thủ công truyền thống, thổi luồng sinh khí mới vào các hoạt động từng được cho là đã mai một theo thời gian.*)
Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 40 [696543]: Which of the following best summarizes the passage?

A. Port Haven exemplifies how tourism can transcend conventional preservation methods by integrating visitor experiences with living cultural practices while maintaining environmental harmony.

B. The transformation of traditional spaces into dynamic cultural venues demonstrates the successful fusion of heritage preservation with contemporary tourism demands and ecological consciousness.

C. Through innovative approaches to space utilization and cultural engagement, Port Haven has established a sustainable model that respects both visitor expectations and local traditions.

D. The town's success in balancing cultural preservation with tourism development illustrates the potential for creating immersive experiences while fostering resilient community practices.

Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn văn này?

- A. Port Haven là ví dụ điển hình về cách du lịch có thể vượt qua các phương pháp bảo tồn thông thường bằng cách kết hợp trải nghiệm của du khách với các hoạt động văn hóa sống động trong khi vẫn duy trì sự hài hòa với môi trường
- B. Việc chuyển đổi các không gian truyền thống thành các địa điểm văn hóa năng động cho thấy sự kết hợp thành công giữa bảo tồn di sản với nhu cầu du lịch đương đại và ý thức sinh thái
- C. Thông qua các phương pháp tiếp cận sáng tạo đối với việc sử dụng không gian và sự tham gia văn hóa, Port Haven đã thiết lập một mô hình bền vững tôn trọng cả kỳ vọng của du khách và truyền thống địa phương
- D. Thành công của thị trấn trong việc cân bằng giữa bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch minh họa cho tiềm năng tạo ra những trải nghiệm sâu sắc trong khi vẫn duy trì các hoạt động cộng đồng đích thực

Căn cứ vào thông tin:

- Like a master choreographer orchestrating an intricate ballet, **modern tourism demands a delicate balance between visitor satisfaction and environmental stewardship. In the picturesque coastal town of Port Haven, this reality has come into sharp focus, where an unconventional approach to tourism has taken root.** (Giống như một bậc thầy biên đạo dàn dựng một vở ba lê phức tạp, du lịch hiện đại đòi hỏi sự cân bằng tinh tế giữa sự hài lòng của du khách và bảo tồn môi trường. Tại thị trấn ven biển đẹp như tranh Port Haven, thực tế này đã trở nên rõ ràng, khi một cách tiếp cận du lịch độc đáo đã bén rễ.)

- Port Haven's success lies not in rigid preservation or wholesale transformation, but in its ability to maintain a constant dialogue between past and present, resident and visitor, tradition and innovation. (Thành công của Port Haven không nằm ở việc bảo tồn cứng nhắc hay chuyển đổi toàn diện, mà nằm ở khả năng duy trì cuộc đối thoại liên tục giữa quá khứ và hiện tại, giữa cư dân và du khách, giữa truyền thống và đổi mới).

Do đó, A là đáp án phù hợp.

----- THE END -----